

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đề ngày 28/4/2025 của Viện Nền móng và Công trình ngầm - Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Hạ tầng GOLDEN EARTH; Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 22/5/2025 và ngày 16/7/2025 giữa các thành viên đoàn đánh giá và Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; văn bản số 66/2025/CV-VNM&CTN ngày 08/7/2025 của Viện Nền móng và Công trình ngầm - Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Hạ tầng GOLDEN EARTH về việc xin gia hạn và báo cáo khắc phục.

CHỨNG NHẬN:

1. Viện Nền móng và Công trình ngầm - Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Hạ tầng GOLDEN EARTH.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 262/ĐK-KH&CN cấp đăng ký lần đầu ngày 19/01/2010, đăng ký lần thứ 12 ngày 24/03/2025 do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà CEO, lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội (trước là phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội).

Điện thoại: 024.62690482

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm LAS-XD 442.**

Địa chỉ phòng thí nghiệm: số nhà 31, ngõ 4, đường Đỗ Đức Dục, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội (trước là phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội).

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 24.002

3. Giấy chứng nhận này bổ sung danh mục chỉ tiêu thí nghiệm và có hiệu lực theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 02/GCN-SXD(GĐXD) ngày 15/9/2023 của Sở Xây dựng./.

Nơi nhận:

- Viện Nền móng và Công trình ngầm - Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Hạ tầng GOLDEN EARTH;
- Bộ Xây dựng; | (để b/c)
- Đ/c Giám đốc Sở XD; |
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ Sở;
- Lưu: VT, GĐCL (H.N.Duy-02b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thế Công

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM BỔ SUNG
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.002**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số /GCN-SXD ngày tháng 7 năm 2025)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
I	CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ ĐẤT	
1	Khối lượng riêng/tỷ trọng	TB 10102-2023
2	Độ ẩm và độ hút ẩm	TB 10102-2023
3	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TB 10102-2023
4	Thành phần hạt	TB 10102-2023
5	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TB 10102-2023
6	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TB 10102-2023
7	Khối lượng thể tích/dung trọng	TB 10102-2023
8	Hàm lượng hữu cơ	TB 10102-2023
9	Các đặc trưng trương nở của đất	TB 10102-2023; TB 10115-2023
10	Các đặc trưng co ngót của đất	TB 10102-2023
11	Đặc trưng tan rã của đất	TB 10102-2023
12	Đặc trưng lún ướt	TB 10102-2023
13	Hệ số thấm K của đất và cát	TB 10102-2023
14	Sức kháng cắt không cố kết - không thoát nước và cố kết - thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục (UU, CU, CD)	TB 10102-2023
15	Xác định độ bền nén của đất trong điều kiện có nở hông	TB 10102-2023
16	Sức chống cắt của đất hạt mịn mềm yếu bằng thí nghiệm cắt cánh ở trong phòng	TB 10102-2023
17	Chỉ số CBR của đất, đá dăm	TB 10102-2023
18	Đảm nén đất, đá dăm	TB 10102-2023
19	Mô đun đàn hồi đất, đất gia cố, cấp phối đá dăm	TB 10102-2023
20	Góc nghỉ của đất rời	TB 10102-2023
21	Khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TB 10102-2023
II	VẬT LIỆU: CÁT, ĐÁ DẪM, SỎI, CẤP PHỐI	
22	Thành phần hạt	TB 10102-2023
23	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TB 10115-2023
24	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút ẩm của đá gốc và cốt liệu lớn	TB 10102-2023; TB 10115-2023
25	Khối lượng thể tích xốp và độ xốp	TB 10102-2023
26	Độ ẩm	TB 10102-2023; TB 10115-2023
27	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét trong cốt liệu nhỏ	TB 10102-2023; TB 10115-2023
28	Lượng tạp chất hữu cơ	TB 10102-2023
29	Thí nghiệm đá, thí nghiệm cường độ (kháng nén, kháng uốn, kháng kéo) và hệ số hoá mềm của đá gốc	TB 10115-2023
30	Độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TB 10115-2023
31	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TB 10102-2023; TB 10115-2023

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
32	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TB 10102-2023
33	Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TB 10102-2023; TB 10115-2023
34	Hàm lượng silic oxit vô định hình	TB 10102-2023;
35	Hàm lượng mica, hàm lượng thạch anh	TB 10102-2023; TB 10115-2023
36	Độ bền của cốt liệu trong dung dịch Na ₂ SO ₄ . hoặc MgSO ₄ .	TB 10102-2023;
37	Cường độ nén điểm của đá gốc	TB 10115-2023
38	Xác định độ góc cạnh của cát	TB 10102-2023
39	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ,	TB 10102-2023; TB 10115-2023
40	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TB 10102-2023; TB 10115-2023
41	Xác định độ bền cắt các loại đá trong phòng thí nghiệm	TB 10102-2023; TB 10115-2023
42	Xác định độ góc cạnh đối với cốt liệu lớn	TB 10102-2023
III	HỖN HỢP BÊ TÔNG	
43	Bê tông: Phương pháp Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 12252:2020 TB 10433-2023
VI	HIỆN TRƯỜNG	
44	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT, CPTu)	TB 10018-2018
45	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TB 10018-2018
46	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TB 10218 – 2019
47	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TB 10218 – 2019
48	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng nhỏ (PIT)	TB 10218 – 2019
49	Thí nghiệm nhổ cọc	TB 10218 – 2019
50	Thí nghiệm đẩy ngang cọc	TB 10218 – 2019
51	Xác định mô đun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép lớn	TB 10018-2018
52	Thí nghiệm xác định áp lực ngang (DMT)	TB 10018-2018
53	Thí nghiệm nén ngang trong đất, đá (PMT)	TB 10018-2018
54	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp siêu âm	TB 10218 – 2019
55	Bê tông: Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TB 10433 - 2023
56	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường	TB 10018-2018

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu thí nghiệm dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng. Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.